

TÌNH CẢNH LẺ LOI CỦA NGƯỜI CHINH PHỤ _____

(Trích *Chinh phụ ngâm*)

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được nỗi đau khổ của người chinh phụ bắt nguồn từ cảnh cô đơn khi người chinh phu phải ra trận vắng nhà. Qua đó nắm được ý nghĩa đề cao hạnh phúc lứa đôi của tác phẩm.

– Về nghệ thuật, nắm được nghệ thuật miêu tả nội tâm của đoạn trích.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Đây là loại bài trích đoạn một tác phẩm thơ. Để giảng đúng trích đoạn, cần nắm được nội dung của cả tác phẩm. Mặt khác, cần ý thức rõ *Chinh phụ ngâm* là thơ trữ tình với chức năng thể hiện nội tâm nhân vật trữ tình. Miêu tả nội tâm phong phú, phức tạp là đặc điểm quan trọng về mặt thể loại của ngâm khúc. Các hình thức miêu tả ngoại hình, hành động hoặc miêu tả thiên nhiên đều nhằm mục tiêu diễn đạt nội tâm. Cũng cần chú ý rằng *ngâm* là thể loại có tính chất diễn xướng, dùng để ngâm, đọc diễn cảm.

2. Trọng tâm bài học

Nỗi đau khổ của người chinh phụ sống trong cảnh xa cách người chinh phu (người chồng đi trận). Diễn biến tâm trạng đau khổ trong đoạn trích cho ta biết chinh phụ đau khổ vì cô đơn, vì mong muốn tha thiết được sống trong tình yêu lứa đôi nhưng người chồng cứ xa vắng biệt. Ý nghĩa chống chiến tranh phong kiến phi nghĩa toát lên một cách khách quan từ bi kịch này. Trước đây, có thời kì giới nghiên cứu phê bình văn học nhấn mạnh đến giá trị tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa của *Chinh phụ ngâm*. Hiện nay, cần chú ý nhấn mạnh hơn đến giá trị nhân đạo, đề cao quyền sống, sự trân trọng khát vọng về hạnh phúc lứa đôi của con người thể hiện trong *Chinh phụ ngâm*.

Cũng cần chú ý nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật và chú ý giọng điệu than thở, than vãn, oán trách toát lên trong khúc ngâm. Lời than trực tiếp của nhân vật

trữ tình – người chinh phụ – khiến cho hoàn cảnh bi kịch của người chinh phụ đậm nét và có tính chất khách quan. Nhấn mạnh các phương diện này là nhấn mạnh đặc thù của thể loại ngâm khúc. Sự xuất hiện của ngâm khúc là do yêu cầu khách quan của cả thời đại văn học hướng về con người cá nhân và khát vọng về cuộc sống trần thế, về tình yêu và hạnh phúc lứa đôi.

Thể thơ song thất lục bát mà bản dịch sử dụng rất phù hợp với nhu cầu diễn tả nội tâm đau khổ, sầu muộn của con người.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV chú ý kết hợp *kiến thức lịch sử* (tình trạng loạn lạc của xã hội Việt Nam ở những năm 30 – 40 thế kỉ XVIII, thời kì *Chinh phụ ngâm* ra đời), *kiến thức về đề tài* (đề tài về người vợ lính khá phổ biến trong thơ Đường, trong ca dao dân ca), *kiến thức về thể ngâm khúc* (*Chinh phụ ngâm* nguyên tác là bài thơ viết theo thể trường đoản cú, được dịch ra thơ Nôm, thể song thất lục bát và lục bát nhưng bản dịch bằng thể thơ song thất lục bát thành công hơn) và *kiến thức về toàn bộ tác phẩm Chinh phụ ngâm*. Tất nhiên, không thể giảng tất cả các vấn đề này do sự hạn chế của thời lượng, song nếu GV lưu ý đến các kiến thức nói trên bài giảng sẽ sâu sắc hơn.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Cho HS đọc đoạn trích, sau đó yêu cầu một vài em chia các đoạn nhỏ, nêu nội dung của mỗi đoạn để từ đó có cái nhìn chung đối với nội dung cả đoạn trích. Chỉ định một vài HS nêu nhận xét về diễn biến, vận động của tâm trạng trong đoạn trích. Cần đặt câu hỏi để HS trả lời.

Để giúp HS dễ nắm bắt vấn đề về đặc trưng của *thơ trữ tình ở Chinh phụ ngâm*, cần có dẫn chứng so sánh với *thơ tự sự*. Chẳng hạn, có thể lấy một ví dụ từ *Đại Nam quốc sử diễn ca* để so sánh: “Bà Trưng quê ở Châu Phong – Giận người tham bạo, thù chồng chẳng quên...”. Tự sự là miêu tả, kể sự kiện diễn ra bên ngoài một cách khách quan. Còn trữ tình là miêu tả thế giới nội tâm với các diễn biến bên trong tâm hồn, nếu có kể sự việc cũng là để tả nội tâm, tả cảm xúc. GV có thể yêu cầu HS tự tìm dẫn chứng trong ca dao, dân ca hay trong thơ để củng cố nhận thức về thơ trữ tình. Ví dụ:

*Hương gượng đốt hồn đà mê mải,
Gương gượng soi lệ lại châu chan.*

Hai câu thơ không chỉ tả việc đốt hương, soi gương mà muốn bộc lộ nội tâm người chinh phụ. Từ “gượng” diễn đạt sự miễn cưỡng, chán chường khi đốt hương, soi gương. Để bổ sung cho “gượng”, tác giả tả “hồn đà mê mải” (lòng dạ, tâm trí lan man,

mơ màng, không tập trung), và “lệ lại châu chan” (soi gương mà nước mắt chảy khiến cho hình trong gương bị nhoè mờ). Tất cả phục vụ cho sự diễn tả nỗi buồn khổ của chinh phụ tới cực điểm.

Sau khi giúp HS hiểu được bản chất của thơ trữ tình, GV cần phân tích ý nghĩa của các biện pháp nghệ thuật miêu tả tâm trạng trong đoạn trích. Nội tâm con người là điều vô hình, người khác không thể nghe hay nhìn thấy được. Nhiệm vụ của nhà thơ, nhà văn là tả sao cho cái vô hình đó hiển hiện, hữu hình, có thể cảm nhận được. Bản chất của các thủ pháp nghệ thuật tả nội tâm là giúp cho việc biến nội tâm vốn vô hình trở thành một bức tranh sinh động. Ví dụ :

– *Tả nội tâm qua ngoại hình* : Dáng mặt buồn rầu, không nói nên lời. Soi gương nhìn khuôn mặt mình mà mắt đăm lệ.

– *Tả qua hành động lặp đi lặp lại* : Người chinh phụ rủ rèm rồi lại cuốn rèm, đi đi lại lại trong hiên vắng như để chờ đợi một tin tốt lành báo người chồng sắp trở về mà không nhận được một tin tức nào. Cách tả này cho thấy sự tù túng, bế tắc của chinh phụ.

– *Tả ngoại cảnh* : Người chinh phụ chỉ có người bạn duy nhất là ngọn đèn vô tri vô giác. Tả đèn chính là để tả không gian mênh mông và sự cô đơn của con người (biện pháp này khá phổ biến trong thơ xưa, GV cần chủ động sưu tầm các dẫn chứng cho lời giảng sinh động). Tả tiếng gà gáy nhằm làm tăng thêm ấn tượng vắng vẻ, tịch mịch đó. Bóng cây hoè trong đêm gợi cảm giác hoang vắng, cô đơn đáng sợ. Nói chung, không gian – thời gian đêm được tả khá kĩ.

– *Tả các hành động diễn ra trong phòng* : Người chinh phụ gượng đốt hương để tìm sự thanh thần, song tâm hồn lại như thêm mê man ; gượng soi gương để trang điểm, song nhìn thấy khuôn mặt mình thì chinh phụ lại ứa nước mắt. Nhưng điều đáng sợ hơn cả là những nhạc cụ gợi đến sự gắn bó lứa đôi. Khi cô đơn lẻ loi thì chinh phụ chỉ gượng gảy đàn sắt đàn cầm vì không thấy phù hợp, đặc biệt sợ dây đàn bị chùng hay đứt vì người xưa xem đó là điềm gở, báo hiệu sự không hay trong tình vợ chồng.

– *Tả thiên nhiên* : Đặt chinh phụ vào không gian có tầm vóc vũ trụ với các hình ảnh núi non, trời đất gợi sự xa xôi. Cảnh lạnh lẽo với hình ảnh sương gió, mưa, tiếng côn trùng. Tất cả gợi sự cô đơn, buồn nhớ.

Một đoạn thơ ngắn mà có khá nhiều cách tả tâm trạng nhân vật. Thể thơ song thất lục bát đã đáp ứng tốt nhất yêu cầu diễn tả nội tâm đó.

Khái quát : Đi sâu vào việc khám phá thế giới nội tâm con người là một thành tựu của *Chinh phụ ngâm*.

Cần phân tích cấu trúc đặc biệt của thể thơ song thất lục bát : đối xứng ở hai câu thất, tiểu đối trong câu lục và câu bát, có cả vần chân (cước vận) và vần lưng (yêu vận) đã tạo thành nhạc điệu dồi dào cho thể thơ này, thích hợp với việc diễn tả nội tâm đau buồn với những âm điệu oán trách, than vãn, sầu muộn. Do đó, bản dịch *Chinh phụ ngâm* hiện lưu hành dùng thể song thất lục bát là rất hợp lí. Cần lấy một khổ thơ gồm bốn câu để làm ví dụ phân tích.

Để gây hứng thú, trong tiến trình bài học, nên có phần yêu cầu HS trình bày đoạn trích dưới hình thức ngâm thơ (nếu thiếu người có khả năng ngâm thì cần đọc diễn cảm) và tập viết một đoạn văn ngắn tả tâm trạng, có vận dụng các cách tả tâm trạng trong đoạn trên.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi (nội dung trả lời đã nêu trên đây), cần tìm hình thức phù hợp để kiểm tra khả năng nắm bắt vấn đề của HS. Có thể nêu một ý kiến có tính chất “phản biện” rồi yêu cầu HS bác bỏ, ví dụ : Có người đã nhận định rằng cảm hứng chủ đạo của *Chinh phụ ngâm* là ca ngợi sự đảm đang, chung thủy của người chinh phụ. Hãy cho biết nhận định như vậy đúng hay sai, vì sao. *Gợi ý* : Nhận định như thế không sát với cảm hứng chủ đạo của *Chinh phụ ngâm*. Ngay cả những câu thơ viết về công việc gia đình của người chinh phụ cũng không nhằm đề cao sự đảm đang, chung thủy của nàng mà chỉ tô đậm thêm hoàn cảnh đầy éo le và bi kịch của nàng (ví dụ : “Lông lão thân buồn khi tựa cửa – Miệng hài nhi chờ bữa móm com – Ngọt bùi thiệp đã hiểu nam – Dạy con đèn sách, thiệp làm phụ thân – Nay một thân nuôi già dạy trẻ – Nỗi quan hoài mang mẽ xiết bao”...).

IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Thai Mai, *Giảng văn “Chinh phụ ngâm”*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I, 1992 (tái bản).
2. Nguyễn Lộc, *Văn học Việt Nam (nửa cuối thế kỉ XVIII – hết thế kỉ XIX)*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999 (tái bản), tr. 143 – 176.
3. Trần Đình Sử, *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999, chương II.
4. Phan Ngọc, *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều*, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr. 258 – 268.